TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1097/2025/QĐST–HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 05 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 273/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn":

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Trần V, sinh năm 1992

Địa chỉ: số A M, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần V yêu cầu thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của bà T và ông V là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2015 quyển số 01/2015 ngày 05/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận I (nay

là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần V là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà T và ông V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên vợ chồng không tìm được nói tiếng chung, cuộc sống hôn nhân bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông V đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được cải thiện. Từ tháng 12 năm 2020 đến nay, ông V và bà T đã ly thân, hai bên đã không còn quan tâm, gắn bó và trách nhiệm với nhau. Nay, bà T và ông V cùng xác định không còn tình cảm, do đó cả hai đều yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà T và ông V cùng yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

- Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần V có 01 con chung tên Lê Quốc A, sinh ngày 30/5/2015. Hai bên thống nhất giao con chung tên Lê Quốc A, sinh ngày 30/5/2015 cho ông Lê Trần Vũ trực T1 nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Trần V về việc không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần Vũ T2 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần Vũ P chịu, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà T, ông V đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0079201 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần V đã nộp đủ lệ phí.

Xét thỏa thuận nêu trên của bà T và ông V là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của bà T và ông V là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 và ông Lê Trần V, sinh năm 1992 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2015 quyển số 01/2015 ngày 05/3/2015 của Ủy ban nhân dân phường L, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp

luật).

- Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần V có 01 con chung tên Lê Quốc A, sinh ngày 30/5/2015. Hai bên thống nhất giao con chung tên Lê Quốc A, sinh ngày 30/5/2015 cho ông Lê Trần Vũ trực T1 nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Trần V về việc không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần Vũ P chịu, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà T, ông V đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0079201 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Ngọc T và ông Lê Trần V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- UBND P. Long Bình, TP. Thủ Đức;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thị Hoài